TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 8 – 2025
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị L**, sinh ngày 17/11/1998.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp B, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Thạch Tuấn V**, sinh ngày 27/5/1997.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp B, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Chị Phan Thị L và anh Thạch Tuấn V đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện X vào ngày 11/11/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm, đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với ông V.

Trong thời kỳ hôn nhân chị L với anh V có hai con chung tên Thạch Tuấn T,

sinh ngày 16/11/2020 và Thạch Tuấn K, sinh ngày 16/11/2020; các con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Chị L với anh V không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Tại phiên toà, bị đơn anh Thạch Tuấn V trình bày:

Anh V thống nhất với chị Phan Thị L về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Anh V với chị L quen biết, có tình cảm với nhau và được gia đình tổ chức đám cưới vào ngày mùng 06 tết năm 2020, không nhớ tháng nào. Anh, chị đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện X nay là Uỷ ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn, là hôn nhân tự nguyện. Anh, chị sống hạnh phúc được khoảng 03 năm; trong quá trình chung sống thì vợ chồng không cãi nhau, cũng không mâu thuẫn, nhưng không biết lý do vì sao chị L yêu cầu ly hôn; anh, chị không chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2024, chị L về nhà cha mẹ ruột sinh sống và anh, chị không liên lạc từ đó đến nay mặc dù gia đình cha, mẹ của anh, chị ngụ cùng ấp và nhà gần nhau. Nay anh V không còn tình cảm vợ chồng với chị L nữa, nên anh đồng ý ly hôn, vì nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc.

Về con chung: Anh V đồng ý giao hai con chung tên Thạch Tuấn T và Thạch Tuấn K sinh cùng ngày 16/11/2020 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, còn thực tế thì khi nào anh có tiền sẽ đóng góp nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Thạch Tuấn V chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp B, xã

Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng) nên Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng nay là Toà án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3] Nguyên đơn là chị Phan Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Việc vắng mặt của đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L với anh Thạch Tuấn V được Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nay là Uỷ ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 122 vào ngày 11/11/2019. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng anh Thạch Tuấn V đều vắng mặt; chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng anh, chị không còn chung sống với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh V; tại phiên toà, anh V cũng đồng ý ly hôn vì cho rằng anh không còn tình cảm với chị L. Từ đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị L với anh V có hai con chung tên Thạch Tuấn T, sinh ngày 16/11/2020 và Thạch Tuấn K, sinh ngày 16/11/2020, hiện nay sống chung với chị L. Do chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và tại phiên toà, anh V cũng đồng ý giao các con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; bên cạnh đó, thì các con chung hiện nay đang sống ổn định với chị L nên cần giao con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Anh V có nghĩa vụ tôn T quyền của các con được sống chung với chị L; anh V cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh V cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Phan Thị L được ly hôn với bị đơn anh Thạch Tuấn V.

1.2. Về con chung:

- Giao con chung tên Thạch Tuấn T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Thạch Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2020 cho chị Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Anh Thạch Tuấn V có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con chung là Thạch Tuấn T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Thạch Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2020 được sống chung với chị Phan Thị L.

- Anh Thạch Tuấn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; chị Phan Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Thạch Tuấn V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Anh Thạch Tuấn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001677 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ; như vậy, chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Toà án tống đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Tố, thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh